Machine Translated by Google

Bảng dữ liệu an toàn

Theo SS 586:Phần 3:2008 (2014)

UNITED EDM 120

MỤC 1: NHẬN DẠNG

1.1 GHS Mã nhận dạng sản phẩm: UNITED EDM 120

Hydrocacbon, C15-C19, n-alkan, isoalkan < 2% chất thơm

CAS: Không áp dụng

Các phương tiện nhận dạng khác:

Không áp dụng

1.2 Khuyến cáo sử dụng hóa chất và hạn chế sử dụng:

Công dụng liên quan: Chất bôi trơn

Những trường hợp sử dụng không nên sử dụng: Tất cả các trường hợp sử dụng không được chỉ định trong phần này

hoặc trong phần 7.3 1.3 Thông tin chi tiết về nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp:

UNITED OIL COMPANY PTE LTD 14 Tuas

Drive 2, Singapore 638647 638647

Singapore - Singapore - Singapore Phone.: +65
6861 1157 - Fax: +65 6861 3101 enquiry@united-oil.com

http://www.united-oil.com /

default.aspx?uc=14 1.4 Số điện thoại khẩn cấp: +65

68611157

PHẦN 2: XÁC ĐỊNH MỐI NGUY HIỂM

2.1 Phân loại chất hoặc hỗn hợp:

SS 586:Phần 2:2014:

Việc phân loại sản phẩm này đã được thực hiện theo SS 586: Phần 2: 2014 Asp. Độc tố. 1: Nguy cơ hít phải,

Loại 1, H304

2.2 Các thành phần nhãn GHS, bao gồm các tuyên bố phòng ngừa:

SS 586:Phần 2:2014:

Sự nguy hiểm

Báo cáo nguy hiểm:

Asp. Độc tố. 1: H304 - Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp.

Các lưu ý phòng ngừa: P101: Nếu

cần tư vấn y tế, hãy chuẩn bị sẵn hộp đựng hoặc nhãn sản phẩm.
P102: Để xa tầm tay trẻ em.
P301+P310: NẾU NUỐT PHẢI: Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ/thầy thuốc.
P331: KHÔNG gây nôn.
P405: Cửa hàng bị khóa.
P501: Vứt bỏ nội dung và/hoặc thùng chứa chúng theo hệ thống thu gom riêng biệt được sử dụng tại đô thị của bạn.

2.3 Các mối nguy hiểm khác không được phân loại:

Không áp dụng

MỤC 3: THÀNH PHẦN/THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

3.1 Chất:

Mô tả hóa học: Hỗn hợp dựa trên hydrocarbon và phụ gia

Các thành phần:

Theo SS 586:Phần 3:2008 (2014), sản phẩm có chứa:

Nhận biết	Tên hóa chất/Phân loại	Sự tập trung
CAS: Không áp dụng	Hydrocacbon, C15-C19, n-alkan, isoalkan < 2% chất thơm Asp. Độc tố. 1: H304 - Nguy hiểm	100 %

Để có thêm thông tin về mối nguy hiểm của các chất này, hãy tham khảo phần 11, 12 và 16.

- TIẾP TỤC TRÊ N TRANG TIẾP THEO -

Machine Translated by Google

PHẦN 3: THÀNH PHẦN/THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN (tiếp theo)

3.2 Hỗn hợp:

Không áp dụng

MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CỨU

4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết:

Các triệu chứng do nhiễm độc có thể xuất hiện sau khi tiếp xúc, do đó, trong trường hợp nghi ngờ, hãy tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm hóa học hoặc khó chịu dai dẳng, cho thấy SDS của sản phẩm này.

Bằng cách hít

phải: Sản phẩm này không chứa các chất được phân loại là nguy hiểm khi hít phải, tuy nhiên, trong trường hợp có triệu chứng ngộ độc, hãy đưa người bị ảnh hưởng ra khỏi khu vực tiếp xúc và cung cấp không khí trong lành. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu các triệu chứng trở nên tồi tệ hơn hoặc kéo dài.

Bằng cách tiếp xúc với da:

Trong trường hợp tiếp xúc, nên làm sạch vùng bị ảnh hưởng thật kỹ bằng nước và xà phòng trung tính. Trong trường hợp có những thay đổi trên da (châm chích, tấy đỏ, phát ban, phồng rộp,.), hãy tìm tư vấn y tế với Bảng dữ liệu an toàn này Khi tiếp xúc với

mắt: Sản phẩm này

không chứa các chất được phân loại là nguy hiểm khi tiếp xúc với mắt. Rửa kỹ mắt trong ít nhất 15 phút bằng nước ấm, đảm bảo người bị ảnh hưởng không dụi hoặc nhắm mắt.

Bằng cách nuốt phải/hít vào:

Yêu cầu hỗ trợ y tế ngay lập tức, xuất trình SDS của sản phẩm này. Không gây nôn, nhưng nếu điều đó xảy ra hãy cúi đầu xuống để tránh sặc. Trong trường hợp mất ý thức, không dùng bất cứ thứ gì bằng đường uống trừ khi có sự giám sát của bác sĩ. Rửa sạch miệng và cổ họng vì chúng có thể bị ảnh hưởng trong quá trình nuốt phải. Giữ người bị ảnh hưởng nghỉ ngơi.

4.2 Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và biểu hiện chậm:

Tác dụng cấp tính và tác dụng chậm được nêu trong phần 2 và 11.

4.3 Dấu hiệu cần được chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt, nếu cần:

Không áp dụng

MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

5.1 Phương tiện chữa cháy phù hợp: Phương tiện

chữa cháy phù hợp: Sản phẩm không bắt

lửa trong điều kiện bảo quản, xử lý và sử dụng bình thường. Trong trường hợp cháy do xử lý, bảo quản hoặc sử dụng không đúng cách, tốt nhất nên sử dụng bình chữa cháy dạng bột đa hóa trị (bột ABC), phù hợp với Quy định về hệ thống phòng cháy chữa cháy.

Phương tiện chữa cháy không phù hợp:

Không áp dụng

5.2 Các mối nguy hiểm cụ thể phát sinh từ hóa chất:

Do quá trình đốt cháy hoặc phân hủy nhiệt, các sản phẩm phụ phản ứng được tạo ra có thể trở nên có độc tính cao và do đó có thể gây nguy cơ nghiêm trọng cho sức khỏe.

5.3 Hành động bảo vệ đặc biệt cho lính cứu hỏa:

Tùy thuộc vào mức độ nghiêm trọng của đám cháy, có thể cần phải sử dụng quần áo bảo hộ đầy đủ và thiết bị hô hấp cá nhân.
Cần có sẵn các phương tiện và thiết bị khẩn cấp tối thiểu (chăn chữa cháy, hộp sơ cứu xách tay,...)

Các điều khoản bổ sung: Hành

động theo Kế hoạch khẩn cấp nội bộ và Bảng thông tin về các hành động cần thực hiện sau khi xảy ra tai nạn hoặc các trường hợp khẩn cấp khác. Tiêu diệt mọi nguồn gây cháy. Trong trường hợp hỏa hoạn, hãy làm lạnh các thùng chứa và bồn chứa đối với các sản phẩm dễ bị viêm, nổ hoặc BLEVE do nhiệt độ cao. Tránh làm đổ các sản phẩm dùng để dập lửa vào môi trường nước.

PHẦN 6: BIỆN PHÁP BÁO CÁO TAI NẠN

6.1 Biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và quy trình khẩn cấp:

- TIẾP TỤC TRÊ N TRANG TIẾP THEO -

Machine Translated by Google

MỤC 6: BIỆN PHÁP PHÁT HIỆN TAI NẠN (tiếp theo)

Cô lập các rò rỉ với điều kiện là không có thêm rủi ro nào cho những người thực hiện nhiệm vụ này. Phải sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân để tránh khả năng tiếp xúc với sản phẩm bị đổ (Xem phần 8). Sơ tán khỏi khu vực và tránh xa những người không được bảo vệ.

6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường:

Sản phẩm này không được phân loại là nguy hiểm cho môi trường. Giữ sản phẩm tránh xa cống rãnh, nước bề mặt và nước ngầm.

6.3 Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch:

Đó là khuyến cáo:

Hút chất tràn bằng cách sử dụng cát hoặc chất hấp thụ trơ và di chuyển nó đến nơi an toàn. Không hấp thụ mùn cưa hoặc các chất hấp thụ dễ cháy khác. Đối với bất kỳ mối quan ngại nào liên quan đến việc thải bỏ, hãy tham khảo phần 13.

6.4 Tham khảo các phần khác:

Xem phần 8 và 13.

PHẦN 7: X H LÝ VÀ BẢO QUẢN

7.1 Các biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn:

A.- Các biện pháp phòng ngừa để thao tác an toàn

Tuân thủ pháp luật hiện hành liên quan đến phòng ngừa rủi ro công nghiệp. Giữ kín các thùng chứa. Kiểm soát sự cố tràn, tồn dư, tiêu hủy bằng các phương pháp an toàn (phần 6). Tránh rò rỉ từ thùng chứa. Duy trì trật tự và sạch sẽ ở nơi sử dụng các sản phẩm nguy hiểm.

B.- Khuyến nghị kỹ thuật về phòng chống cháy, nổ

Sản phẩm không bắt lửa trong điều kiện bảo quản, thao tác và sử dụng bình thường. Nên vận chuyển ở tốc độ chậm để tránh tạo ra điện tích có thể ảnh hưởng đến các sản phẩm dễ cháy. Tham khảo phần 10 để biết thông tin về các điều kiện và vật liệu nên tránh.

C.- Khuyến nghị kỹ thuật để ngăn ngừa rủi ro về công thái học và độc tính

Không ăn uống trong quá trình thực hiện, sau đó rửa tay bằng các sản phẩm tẩy rửa phù hợp.

D.- Khuyến nghị kỹ thuật nhằm ngăn ngừa rủi ro môi trường

Nên chuẩn bị sẵn vật liệu thấm hút ở gần sản phẩm (Xem tiểu mục 6.3)

7.2 Các điều kiện bảo quản an toàn, bao gồm mọi trường hợp không tương thích:

A.- Biện pháp kỹ thuật bảo quản Nhiệt độ

tối thiểu:	5 oC
Nhiệt độ tối đa.:	30 oC
Thời gian tối đa:	6 tháng

B.- Điều kiện chung về bảo quản

Tránh các nguồn nhiệt, bức xạ, tĩnh điện và tiếp xúc với thực phẩm. Để biết thêm thông tin, xem tiểu mục 10.5

7.3 (Các) mục đích sử dụng cuối

cùng cụ thể: Ngoại trừ các hướng dẫn đã được chỉ định, không cần thiết phải đưa ra bất kỳ khuyến nghị đặc biệt nào về việc sử dụng sản phẩm này.

PHẦN 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO VỆ CÁ NHÂN

8.1 Thông số kiểm soát/Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp:

Các chất có giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp phải được theo dõi tại nơi làm việc:

Không có mức phơi nhiễm cho phép đối với các chất có trong sản phẩm 8.2 Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp: A.- Các biện pháp bảo vệ cá nhân, chẳng hạn như

thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE)

Là một biện pháp phòng ngừa, nên sử dụng Thiết bị bảo vệ cá nhân cơ bản. Để biết thêm thông tin về Thiết bị Bảo hộ Cá nhân (bảo quản, sử dụng, vệ sinh, bảo trì, cấp bảo vệ,.) hãy tham khảo tờ thông tin do nhà sản xuất cung cấp. Để biết thêm thông tin, xem tiểu mục 7.1.

Tất cả thông tin trong tài liệu này là khuyến nghị cần có một số thông số kỹ thuật từ các dịch vụ phòng ngừa rủi ro lao động vì không biết liệu công ty có sẵn các biện pháp bổ sung hay không.

B.- Bảo vệ hô hấp

- TIẾP TỤC TRÊ N TRANG TIẾP THEO -

Machine Translated by Google

PHẦN 8: KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN (tiếp theo)

Việc sử dụng thiết bị bảo vệ sẽ là cần thiết nếu sương mù hình thành hoặc nếu vượt quá giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

C.- Bảo vệ cụ thể cho bàn tay

chữ tượng hình	PPE	Bình luận
Bàn tay bắt buộc sự bảo vệ	Găng tay bảo hộ hóa học KHÔNG dùng một lần	Thời gian đột phá do nhà sản xuất chỉ định phải vượt quá khoảng thời gian trong thời gian sản phẩm đang được sử dụng. Không sử dụng kem bảo vệ sau khi sản phẩm đã tiếp xúc với da.

D.- Bảo vệ mắt và mặt

chữ tượng hình	PPE	Bình luận
Khuôn mặt bắt buộc sự bảo vệ	Tấm chắn mặt	Vệ sinh hàng ngày và khử trùng định kỳ theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Sử dụng nếu có nguy cơ bắn tung tóe.

E.- Bảo vệ cơ thể

chữ tượng hình	PPE	Bình luận
Bắt buộc phải hoàn thành sự bảo vệ cơ thể	Quần áo dùng một lần để bảo vệ chống lại rủi ro hóa chất	Chỉ dành cho sử dụng chuyên nghiệp. Vệ sinh định kỳ theo hướng dẫn của nhà sản xuất hướng dẫn.
chân bắt buộc sự bảo vệ	Giày bảo hộ lao động chống hóa chất rủi ro	Thay ủng khi có bất kỳ dấu hiệu hư hỏng nào.

F.- Biện pháp khẩn cấp bổ sung

Biện pháp khẩn cấp	Tiêu chuẩn	Biện pháp khẩn cấp	Tiêu chuẩn
Phòng tắm khẩn cấp	ANSI Z358-1 ISO 3864-1:2011, ISO 3864-4:2011	Trạm rửa mắt	DIN 12 899 ISO 3864-1:2011, ISO 3864-4:2011

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường:

Theo quy định của cộng đồng về bảo vệ môi trường, nên tránh các biện pháp bảo vệ môi trường sự đổ tràn của cả sản phẩm và thùng chứa nó. Để biết thêm thông tin, xem tiểu mục 7.1.D

MỤC 9: CÁC TÍ NH CHẤT VẬT LÝ, HÓA HỌC

9.1 Thông tin về tính chất lý, hóa cơ bản:

Để biết thông tin đầy đủ, hãy xem bảng dữ liệu sản phẩm.

Vẻ bề ngoài:

Trạng thái vật lý ở 20 oC:	Chất lỏng
Vẻ bề ngoài:	Không có sẵn
Màu sắc:	Không có sẵn
Mùi:	Không có sẵn
Ngưỡng của mùi hương:	Không áp dụng *
Biến động:	
Điểm sôi ở áp suất khí quyển:	Không áp dụng *
Áp suất hơi ở 20 oC:	Không áp dụng *
Áp suất hơi ở 50 oC:	Không áp dụng *
Tốc độ bay hơi ở 20 oC:	Không áp dụng *

*Không liên quan do tính chất của sản phẩm, không cung cấp thông tin về mối nguy hiểm của nó.

- TIẾP TỤC TRÊ N TRANG TIẾP THEO -

Machine Translated by Google

MỤC 9: CÁC TÍ NH CHẤT VẬT LÝ, HÓA HỌC (tiếp theo)

Mô tả Sản phẩm:	
Mật độ ở 20 oC:	795,5 kg/m³
Mật độ tương đối ở 20 oC:	0,796
Độ nhớt động ở 20 oC:	Không áp dụng *
Độ nhớt động học ở 20 oC:	Không áp dụng *
Độ nhớt động học ở 40 oC:	~3,38 cSt
Sự tập trung:	Không áp dụng *
độ pH:	Không áp dụng *
Mật độ hơi ở 20 oC:	Không áp dụng *
Hệ số phân chia n-octanol/nước 20 oC:	Không áp dụng *
Độ hòa tan trong nước ở 20 oC:	
Tính chất hòa tan:	Không áp dụng *
Nhiệt độ phân hủy:	Không áp dụng *
Điểm nóng chảy/điểm đóng băng:	-27 oC
Tính chất nổ:	Không áp dụng *
Tính chất oxy hóa:	Không áp dụng *
Tính dễ cháy:	
Điểm sáng:	> 100 oC
Nhiệt do cháy:	Không áp dụng *
Tính dễ cháy (rắn, khí):	Không áp dụng *
Nhiệt độ tự bốc cháy:	Không áp dụng *
Giới hạn cháy thấp hơn:	Không áp dụng *
Giới hạn cháy trên:	Không áp dụng *
Chất nổ:	
Giới hạn nổ dưới:	Không áp dụng *
Giới hạn nổ trên:	Không áp dụng *

9.2 Thông tin khác:

Sức căng bề mặt ở 20 oC:	Không áp dụng *
Chỉ số khúc xạ:	Không áp dụng *

*Không liên quan do tính chất của sản phẩm, không cung cấp thông tin về mối nguy hiểm của nó.

PHẦN 10: ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

10.1 Khả năng phản ứng:

Dự kiến sẽ không có phản ứng nguy hiểm vì sản phẩm ổn định trong các điều kiện bảo quản được khuyến nghị. Xem phần 7.

10.2 Độ ổn định hóa học:

Ổn định về mặt hóa học trong các điều kiện bảo quản, xử lý và sử dụng.

10.3 Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm:

Trong các điều kiện quy định, dự kiến sẽ không xảy ra các phản ứng nguy hiểm dẫn đến nhiệt độ hoặc áp suất quá cao.

10.4 Các điều kiện cần tránh:

Áp dụng cho việc xử lý và bảo quản ở nhiệt độ phòng:

Sốc và ma sát	Liên hệ với không khí	Tăng nhiệt độ	Ánh nắng	Độ ẩm
Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng

10.5 Vật liệu không tương thích:

Axit	Nước	Vật liệu oxy hóa	Vật liệu dễ cháy	Người khác
Tránh axit mạnh	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Tránh chất kiềm hoặc bazơ mạnh

- TIẾP TỤC TRÊ N TRANG TIẾP THEO -

Machine Translated by Google

PHẦN 10: ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG (tiếp theo)

10.6 Sản phẩm phân hủy nguy hiểm:

Xem tiểu mục 10.3, 10.4 và 10.5 để tìm hiểu các sản phẩm phân hủy cụ thể. Tùy thuộc vào điều kiện phân hủy, hỗn hợp phức tạp của các chất hóa học có thể được giải phóng: carbon dioxide (CO2), carbon monoxide và các hợp chất hữu cơ khác.

PHẦN 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍ NH

11.1 Thông tin về tác dụng độc hại:

Thông tin thử nghiệm liên quan đến đặc tính độc tính của sản phẩm không có sẵn

Tác động nguy hiểm tới sức khỏe:

Trong trường hợp phơi nhiễm lặp đi lặp lại, kéo dài hoặc ở nồng độ cao hơn mức khuyến nghị của giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, có thể gây ra những ảnh hưởng xấu đến sức khỏe tùy theo phương tiện phơi nhiễm:

A- Nuốt phải (tác dụng cấp tính):

- Độc tính cấp tính : Dựa trên dữ liệu hiện có, tiêu chí phân loại không được đáp ứng vì nó không chứa các chất được phân loại là nguy hiểm khi tiêu dùng. Để biết thêm thông tin, xem phần 3.
- Ăn mòn/Kích ứng: Dựa trên dữ liệu có sẵn, tiêu chí phân loại không được đáp ứng vì nó không chứa các chất được phân loại là nguy hiểm cho tác dụng này. Để biết thêm thông tin, xem phần 3.

B- Hít phải (tác dụng cấp tính):

- Độc tính cấp tính : Dựa trên dữ liệu hiện có, tiêu chí phân loại không được đáp ứng vì nó không chứa các chất được phân loại là nguy hiểm khi hít phải. Để biết thêm thông tin, xem phần 3.
- Ăn mòn/Kích ứng: Dựa trên dữ liệu có sẵn, tiêu chí phân loại không được đáp ứng vì nó không chứa các chất được phân loại là nguy hiểm cho tác dụng này. Để biết thêm thông tin, xem phần 3.

C- Tiếp xúc với da và mắt (tác dụng cấp tính):

- Tiếp xúc với da: Dựa trên dữ liệu hiện có, không đáp ứng tiêu chí phân loại vì nó không chứa các chất được phân loại là nguy hiểm khi tiếp xúc với da. Để biết thêm thông tin, xem phần 3.
- Tiếp xúc với mắt: Dựa trên dữ liệu hiện có, nó không đáp ứng các tiêu chí phân loại vì nó không chứa các chất được phân loại là nguy hiểm cho tác dụng này. Để biết thêm thông tin, xem phần 3.

Tác dụng D-CMR (gây ung thư, gây đột biến và độc tính đối với sinh sản):

- Tính gây ung thư: Dựa trên dữ liệu hiện có, sản phẩm không đáp ứng tiêu chí phân loại do không chứa các chất được phân loại là nguy hiểm đối với các tác dụng đã đề cập. Để biết thêm thông tin, xem phần 3.
  IARC: Không áp dụng
- Tính gây đột biến: Dựa trên dữ liệu hiện có, nó không đáp ứng các tiêu chí phân loại vì nó không chứa các chất được phân loại là nguy hiểm cho tác dụng này. Để biết thêm thông tin, xem phần 3.
- Độc tính sinh sản: Dựa trên dữ liệu hiện có, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng vì nó không chứa các chất được phân loại là nguy hiểm cho tác dụng này. Để biết thêm thông tin, xem phần 3.

E- Hiệu ứng nhạy cảm:

- Hô hấp: Dựa trên dữ liệu có sẵn, nó không đáp ứng các tiêu chí phân loại vì nó không chứa các chất được phân loại là nguy hiểm với tác dụng gây mẫn cảm. Để biết thêm thông tin, xem phần 3.
- Da: Dựa trên dữ liệu có sẵn, nó không đáp ứng các tiêu chí phân loại vì nó không chứa các chất được phân loại là nguy hiểm cho tác dụng này. Để biết thêm thông tin, xem phần 3.

F- Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể (STOT) - phơi nhiễm đơn lẻ:

Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng vì nó không chứa các chất được phân loại là nguy hiểm cho tác dụng này. Để biết thêm thông tin, xem phần 3.

G- Phơi nhiễm lặp lại với độc tính cơ quan đích cụ thể (STOT):

- Phơi nhiễm lặp lại với độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể (STOT): Dựa trên dữ liệu hiện có, tiêu chí phân loại không được đáp ứng vì nó không chứa các chất được phân loại là nguy hiểm cho tác động này. Để biết thêm thông tin, xem phần 3.
- Da: Dựa trên dữ liệu có sẵn, nó không đáp ứng các tiêu chí phân loại vì nó không chứa các chất được phân loại là nguy hiểm cho tác dụng này. Để biết thêm thông tin, xem phần 3.

H- Nguy hiểm do hít phải:

Việc tiêu thụ một lượng đáng kể có thể gây tổn thương phổi.

Thông tin khác:

Không áp dụng

- TIẾP TỤC TRÊ N TRANG TIẾP THEO -

Machine Translated by Google

PHẦN 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍ NH (tiếp theo)

Thông tin độc tính cụ thể về các chất:

Nhận biết	Độc tính cấp tính		Chi
Hydrocacbon, C15-C19, n-alkan, isoalkan < 2% chất thơm	LD50 miệng	5250 mg/kg	Con chuột
CAS: Không áp dụng	LD50 qua da	3160 mg/kg	Con thỏ
	Hít phải LC50	>20 mg/L	

PHẦN 12: THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

12.1 Độc tính:

Không có sẵn

12.2 Độ bền và khả năng phân hủy:

Không có sẵn

12.3 Khả năng tích lũy sinh học:

Không có sẵn

12.4 Tính di động trong đất:

Không có sẵn

12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB:

Không áp dụng

12.6 Các tác dụng phụ khác:

Không được mô tả

PHẦN 13 CÂN NHẮC XỬ LÍ

13.1 Phương pháp thải bỏ:

Quản lý chất thải (xử lý và đánh giá):

Tham khảo ý kiến của người quản lý dịch vụ xử lý chất thải được ủy quyền về hoạt động đánh giá và xử lý. Trong trường hợp container đã ở trong tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm sẽ được xử lý giống như sản phẩm thực tế. Nếu không, nó sẽ được xử lý như chất cặn không nguy hiểm. Chúng tôi không khuyến khích vứt bỏ xuống cống. Xem biểu đồ 6.2.

Các quy định liên quan đến quản lý chất thải:

Pháp luật liên quan đến quản lý chất thải:

Quy định về môi trường sức khỏe cộng đồng (chất thải công nghiệp độc hại).
Đạo luật về chất thải nguy hại (Kiểm soát xuất khẩu, nhập khẩu và quá cảnh).

MỤC 14: THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Vận chuyển hàng nguy hiểm bằng đường bộ:

Về SS 586-1 (2014):

14.1 Số UN: Không áp dụng

14.2 Tên vận chuyển phù hợp của Liên Hợp Quốc: Không áp dụng

14.3 (Các) loại nguy hiểm khi vận chuyển: Không áp dụng

Nhãn: Không áp dụng

14.4 Nhóm đóng gói, nếu có: Không áp dụng

14.5 Nguy cơ môi trường: Không

14.6 Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng

Tính chất lý hóa: xem phần 9

14,7 Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ lục II của MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC: Không áp dụng

Vận chuyển hàng nguy hiểm bằng đường biển:

Liên quan đến IMDG 39-18:

- TIẾP TỤC TRÊ N TRANG TIẾP THEO -

Machine Translated by Google

PHẦN 14: THÔNG TIN VẬN CHUYỂN (tiếp theo)

14.1	Số UN: Tên vận	Không áp dụng
14.2	chuyển phù hợp của UN: (Các)	Không áp dụng
14.3	loại nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
	Nhãn:	Không áp dụng
14.4	Nhóm đóng gói, nếu có: 14.5 Chất	Không áp dụng
	gây ô nhiễm biển: Biện pháp	KHÔNG
14.6	phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	
	Quy định đặc biệt: Mã	Không áp dụng
	EmS: Đặc	
	tính hóa lý: Số lượng hạn chế:	xem phần 9
	Nhóm phân biệt: Vận	Không áp dụng
	chuyển với số lượng	Không áp dụng
14,7	lớn theo Phụ lục II của MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC: Vận	Không áp dụng
	chuyển hàng nguy hiểm bằng	
	đường hàng không: Đối với IATA/ICAO 2021:	

14.1 Số UN: Không áp dụng Tên vận chuyển phù hợp của UN:

14.2 Không áp dụng (Các) Loại nguy hiểm khi vận chuyển:

14.3 Không áp dụng Nhãn: Không áp dụng Nhóm đóng gói, nếu có: Không áp dụng 14.5 Nguy hiểm môi trường: Không

14.4

14.6 Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng

Tính chất lý hóa: xem phần 9

14,7 Vận chuyển hàng rời theo Phụ lục II của MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC: Không áp dụng

PHẦN 15: THÔNG TIN QUY ĐỊNH

15.1 Các quy định về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể cho sản phẩm được đề cập:

Các quy định cụ thể về bảo vệ con người hoặc môi trường: Nên sử dụng thông tin có

trong bảng dữ liệu an toàn này làm dữ liệu dùng trong đánh giá rủi ro trong hoàn cảnh địa phương nhằm thiết lập các biện pháp phòng ngừa rủi ro cần thiết cho việc thao tác, sử dụng, bảo quản và thải bỏ sản phẩm này.

Pháp luật khác:

Quy định về quản lý và bảo vệ môi trường (các chất nguy hiểm).

Đạo luật quản lý và bảo vệ môi trường.

Đạo luật sức khỏe cộng đồng môi trường.

Đạo luật an toàn cháy nổ.

Đạo luật An toàn và Sức khỏe Nơi làm việc.

Quy định về An toàn và Sức khỏe tại Nơi làm việc (Quy định chung).

PHẦN 16: THÔNG TIN KHÁC

Pháp luật liên quan đến bảng dữ liệu an toàn:

Bảng dữ liệu an toàn này được thiết kế phù hợp với SS 586Phần 3:2008 (2014) - Đặc điểm kỹ thuật truyền thông về mối nguy hiểm đối với hóa chất nguy hiểm và hàng nguy hiểm - Phần 3: Chuẩn bị bảng dữ liệu an toàn (SDS).

Nội dung các cụm từ pháp lý nêu ở phần 2: H304: Có thể gây tử vong

nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp.

Nội dung các cụm từ quy phạm pháp luật nêu tại phần 3: Các cụm từ

được nêu không đề cập đến bản thân sản phẩm; chúng hiện diện chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và đề cập đến các thành phần riêng lẻ xuất hiện trong phần 3 SS 586: Phần 2:2014:

Asp. Độc tố. 1: H304 -

Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp.

- TIẾP TỤC TRÊ N TRANG TIẾP THEO -

Machine Translated by Google

PHẦN 16: THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Lời khuyên liên quan đến đào

tạo: Nên đào tạo tối thiểu để ngăn ngừa rủi ro công nghiệp cho nhân viên sử dụng sản phẩm này, nhằm tạo điều kiện cho họ hiểu và giải thích bảng dữ liệu an toàn này cũng như nhãn trên sản phẩm.

Nguồn thư mục chính: http://www.nea.gov.sg

Chữ viết tắt: IMDG: Mã

hàng hóa nguy hiểm hàng hải quốc tế

IATA: Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế ICAO: Tổ chức

hàng không dân dụng quốc tế COD: Nhu cầu oxy

hóa học BOD5: oxy sinh hóa 5 ngày nhu cầu BCF: Hệ

số nồng độ sinh học LD50: Liều gây

chết 50 CL50: Nồng độ gây chết 50 EC50: Nồng
độ hiệu dụng 50 Log-POW: Hệ số

phân chia octanol-nước

Koc: Hệ số phân chia cacbon hữu

cơ

Thông tin trong bảng dữ liệu an toàn này dựa trên các nguồn, kiến thức kỹ thuật và luật pháp hiện hành mà không thể đảm bảo tính chính xác của nó. Thông tin này không thể được coi là sự đảm bảo về các đặc tính của sản phẩm, nó chỉ đơn giản là mô tả các yêu cầu bảo mật. Phương pháp và điều kiện nghề nghiệp đối với người sử dụng sản phẩm này không nằm trong nhận thức hoặc tầm kiểm soát của chúng tôi và trách nhiệm cuối cùng của người dùng là thực hiện các biện pháp cần thiết để đạt được các yêu cầu pháp lý liên quan đến thao tác, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ các sản phẩm hóa học. Thông tin trên bảng dữ liệu an toàn này chỉ đề cập đến sản phẩm này, không nên sử dụng cho các nhu cầu khác ngoài những nhu cầu được chỉ định.

KẾT THÚC BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN